

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hoàng Sơn, ông Lê Ngọc Tuân
Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân
Khu vực 9 - Đắk Lắk
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Tuấn Phong - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và theo Thông báo chuyển lịch phiên tòa số 03/2025/TB-TA, ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị B, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Chu Thị B trình bày tóm tắt:

Chị với anh Phan Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Cư M, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk). Anh chị có 02 con chung là Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013; Phan Thị Hồng N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Về con chung: Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Còn về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Văn T trình bày tóm tắt:

Anh với chị Chu Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Cư M, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk). Anh chị có 02 con chung là Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013; Phan Thị Hồng N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015.

Nay, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu chị B quyết tâm ly hôn, thì anh đồng ý. Sau khi ly hôn, anh nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, thì anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Cháu Phan Thị Ngọc H và cháu Phan Thị Hồng N trình bày tóm tắt: Các cháu là con của anh T và chị B. Các cháu có nguyện vọng ở với bố.

Tại Trích lục kết hôn số 126/TLKH-BS ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cư M, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk) chứng nhận:

Chị Chu Thị B, sinh năm 1992 và anh Phan Văn T, sinh năm 1980 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư M, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk) ngày 25 tháng 9 năm 2012.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của chị B, cho chị B ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị B và anh T là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị B khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh T có hộ khẩu thường trú ở xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Chị B và anh T xin vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được anh T đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, ghi nhận ý kiến anh T và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị B ly hôn với anh T.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Anh T đồng ý và các con cũng đồng ý ở với anh T, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, ghi nhận ý kiến của anh T, cháu H và cháu N và chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát, giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Chị B) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị B ly hôn với anh Phan Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013; Phan Thị Hồng N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015 cho anh Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị Chu Thị B có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B.

2. Về án phí:

Chị Chu Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002849 ngày 26 tháng 6 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng